

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI KINH PHÍ VỐN SỰ NGHIỆP CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND xã Tân Uyên)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Số tiền	Điều chỉnh		Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)	
A	B	1	2	3	
	TỔNG (A+B+C+D+E)	-	(3.320.834.000)	3.320.834.000	
A	Chi sự nghiệp kinh tế khác	-	(94.745.000)	94.745.000	
I	Văn phòng HĐND - UBND	(50.000.000)	(50.000.000)	-	
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; cải tạo, nâng cấp mở rộng xây mới các hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng... (Sửa chữa trụ sở, mua sắm trang thiết bị)	(50.000.000)	(50.000.000)		
II	Phòng Kinh tế	50.000.000	(44.745.000)	94.745.000	
1	KP ban chỉ đạo các chương trình	50.000.000	-	50.000.000	
-	Kinh phí Đội chống thất thu ngân sách và thu hồi nợ đọng thuế huyện	50.000.000		50.000.000	Trước thời điểm sáp nhập phương án điều chỉnh dự toán của UBND huyện (cũ) gửi Sở Tài chính không có kinh phí thực hiện nội dung này; do vậy điều chỉnh nguồn kinh phí mua sắm đã giao Văn phòng HĐND-UBND tại Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 thực hiện quyết toán theo quy định
2	Kinh phí xác định giá đất cụ thể	-	(44.745.000)	44.745.000	
	<i>Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía bắc (Đường nối cao tốc Nội Bài- Lào Cai)</i>	(20.745.000)	(20.745.000)		Nội dung hết nhiệm vụ chi
	<i>Di dời các công trình hạ tầng kỹ thuật tại dự án Kết nối giao thông các tỉnh miền núi phía bắc (Đường nối cao tốc Nội Bài- Lào Cai)</i>	(24.000.000)	(24.000.000)		Nội dung hết nhiệm vụ chi
	<i>Khẩn cấp phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông tại Km16+360/ĐT.133, địa phận xã Tân Uyên (Do ảnh hưởng của các đợt mưa lũ trong tháng 7 và tháng 8 năm 2025)</i>	25.000.000		25.000.000	Thực hiện phân bổ theo Công văn số 3783/SXD-QLDA ngày 24/10/2025 của Sở Xây dựng
	<i>Giải phóng mặt bằng mở rộng bãi đỗ ô tô Km15+080, Km15+900</i>	19.745.000		19.745.000	
B	Chương trình MTQG	-	(3.084.200.000)	3.084.200.000	
I	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	(2.168.000.000)	2.168.000.000	
1	Phòng Kinh tế	365.000.000	(281.000.000)	646.000.000	
1.1	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	(281.000.000)	(281.000.000)		Do không có đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
a	Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	(281.000.000)	(281.000.000)		
	- Nội dung số 01: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	(281.000.000)	(281.000.000)		
1.2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	646.000.000	-	646.000.000	
a	Tiểu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	646.000.000		646.000.000	Nội dung phát sinh mới
	- Sửa chữa, bảo dưỡng thủy lợi Chạm Cá	206.000.000		206.000.000	
	- Sửa chữa, bảo dưỡng đường nội thôn Tát Xôm	440.000.000		440.000.000	

TT	Nội dung	Số tiền	Điều chỉnh		Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)	
2	Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	(365.000.000)	(365.000.000)	-	
2.1	Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	(365.000.000)	(365.000.000)		Lý do không đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện dự án khác
3	Phòng Văn Hóa - Xã hội	-	(1.522.000.000)	1.522.000.000	Kinh phí giao tại QĐ số 103/QĐ-UBND ngày 29/7/2025
3.1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	500.000.000	-	500.000.000	
3.1.1	- Hỗ trợ chuyên đổi nghề	500.000.000		500.000.000	Nội dung phát sinh mới
3.2	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	(1.337.000.000)	(1.337.000.000)	-	
3.2.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	(571.500.000)	(571.500.000)	-	
	- Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	(571.500.000)	(571.500.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
3.2.2	Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.	(465.500.000)	(465.500.000)		
	- Nội dung số 01: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc	(465.500.000)	(465.500.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
3.2.3	Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi	(300.000.000)	(300.000.000)		Lý do đến thời điểm này không tìm được cơ sở đào tạo nghề, doanh nghiệp có đủ điều kiện, năng lực đào tạo nghề cho lao động nông thôn; điều chỉnh thực hiện nội dung khác
3.3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.022.000.000	-	1.022.000.000	Nội dung phát sinh mới
-	Cải tạo nhà văn hóa - khu thể thao thôn, bản và tương đương hiện có nhưng đã xuống cấp thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, ưu tiên nơi có phong trào văn nghệ hoạt động sôi nổi, tích cực hiệu quả (Cải tạo nhà văn hóa thôn Phiêng Phát 1, Chom Chăng, Tân Dương)	542.000.000		542.000.000	
-	Hỗ trợ trang thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, thể thao đối với các nhà văn hóa, khu thể thao thôn, bản và tương đương (Hỗ trợ 16 nhà văn hóa các thôn trên địa bàn xã)	480.000.000		480.000.000	
3.4	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	(185.000.000)	(185.000.000)	-	Nội dung hết nhiệm vụ chi
3.4.1	Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp phát lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện đề án tổng thể và Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030	(158.000.000)	(158.000.000)		
3.4.2	Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình	(27.000.000)	(27.000.000)		
II	Chương trình MTQG xây dựng NTM	-	(438.200.000)	438.200.000	
1	Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa	(29.895.000)	(29.895.000)	-	
1.1	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới (trong trường hợp quy hoạch đã hết thời hạn) và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa đô thị theo quy định pháp luật về quy hoạch, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương	(29.895.000)	(29.895.000)		Nội dung hết nhiệm vụ chi

TT	Nội dung	Số tiền	Điều chỉnh		Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)	
2	Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam	70.895.000	(367.305.000)	438.200.000	
2.1	- Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức, phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh	(350.000.000)	(350.000.000)		
2.2	- Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;	420.895.000	(17.305.000)	438.200.000	
	+ Chi thực hiện mô hình thôn, xóm sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	(10.970.000)	(10.970.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	+ Lắp đèn năng lượng mặt trời tại bản Phiêng Phát, Phiêng Phát 1 và bản Tát Xóm 3 xã Trung Đồng	(2.350.000)	(2.350.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	+ Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng năng lượng mặt trời tại bản Phiêng Phát 1, Pá Ngựa, Bút Trên, Tân Dương, Tát Xóm, Hua Cướm 1- Xã Trung Đồng	(2.854.000)	(2.854.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	+ Lắp điện chiếu sáng trên địa bàn xã Nậm Cắn	(1.131.000)	(1.131.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	+ Lắp đèn năng lượng mặt trời các thôn xã Tân Uyên	438.200.000		438.200.000	Nội dung phát sinh mới
3	Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM	(6.000.000)	(6.000.000)		
4	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM - Nội dung 1	(35.000.000)	(35.000.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
III	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	-	(478.000.000)	478.000.000	
1	Phòng Kinh tế	157.000.000	(321.000.000)	478.000.000	
1.1	DA 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	444.000.000	(34.000.000)	478.000.000	
a	Tiểu DA 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	478.000.000		478.000.000	Nội dung phát sinh mới
b	Tiểu DA 2: Cải thiện dinh dưỡng	(34.000.000)	(34.000.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
1.2	DA 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin	(79.000.000)	(79.000.000)		
a	Tiểu DA 2: Truyền thông giảm nghèo	(79.000.000)	(79.000.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
1.3	DA 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện CT	(208.000.000)	(208.000.000)		
a	Tiểu DA 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	(201.000.000)	(201.000.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
b	Tiểu DA 2: Giám sát, đánh giá	(7.000.000)	(7.000.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
2	Phòng Văn Hóa - Xã hội	(157.000.000)	(157.000.000)	-	
2.1	DA 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	(157.000.000)	(157.000.000)	-	
a	Tiểu DA 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	(157.000.000)	(157.000.000)		Lý do đã hết đối tượng thực hiện, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
C	Chi sự nghiệp kinh tế	-	(141.889.000)	141.889.000	
I	Chi sự nghiệp kinh tế khác	-	(139.729.000)	139.729.000	
1.1	Các nhiệm vụ sự nghiệp khác	-	(139.729.000)	139.729.000	Lý do đã hết nhiệm vụ chi, điều chỉnh thực hiện nội dung khác
	- Sửa chữa đường nội bản Pầu Pát (đoạn từ nhà máy chè đến đầu cầu treo Pầu Pát)	(2.729.000)	(2.729.000)		

TT	Nội dung	Số tiền	Điều chỉnh		Ghi chú
			Giảm (-)	Tăng (+)	
	- Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng Công trình Thủy lợi Phiêng Tông bản Hua Cản	(47.000.000)	(47.000.000)		
	- Sửa chữa nước sinh hoạt cụm xã Nậm Cản	(50.000.000)	(50.000.000)		
	- Sửa chữa cấp nước sinh hoạt bản Hua Cản xã Nậm Cản	(40.000.000)	(40.000.000)		
	- Nâng cấp đường nội thôn 21 xã Tân Uyên	139.729.000		139.729.000	Nội dung phát sinh mới
2	Hỗ trợ mục tiêu	-	(2.160.000)	2.160.000	
2.1	Hỗ trợ kinh phí thực hiện sửa chữa các công trình giao thông, nước sinh hoạt, chỉnh trang đô thị; duy tu, bảo trì, sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm tài sản, trang thiết bị; cải tạo, nâng cấp, mở rộng xây mới hạng mục công trình trong dự án đã đầu tư xây dựng	-	(2.160.000)	2.160.000	S
	- Kinh phí Sửa chữa thường xuyên các công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn xã Nậm Cản	(2.160.000)	(2.160.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	- Nâng cấp đường nội thôn 21 xã Tân Uyên	2.160.000		2.160.000	Nội dung phát sinh mới
D	Nguồn dự phòng ngân sách (huyện cũ)	-	-	-	
	- Kinh phí thực hiện Kế hoạch số 874/KH-UBND ngày 7/5/2025 về việc Tổ chức Lễ hội Trà huyện Tân Uyên lần thứ II gắn với Giải chạy việt dã “Khám phá vùng chè Tân Uyên” năm 2025	(147.058.000)	(147.058.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	- Nâng cấp đường nội thôn 21 xã Tân Uyên	147.058.000		147.058.000	Nội dung phát sinh mới
E	Nguồn dự phòng ngân sách xã	-	-	-	
	- Hót sut sạt các tuyến đường xã Tân Uyên	(27.125.000)	(27.125.000)		Nội dung đã hết nhiệm vụ chi
	- Nâng cấp đường nội thôn 21 xã Tân Uyên	27.125.000		27.125.000	Nội dung phát sinh mới

Ghi chú: Ngoài nội dung phân bổ theo Công văn số 3783/SXD-QLDA ngày 24/10/2025 của Sở Xây dựng; Các nội dung khác điều chỉnh thực hiện theo Công văn số 3475/STC-KTN ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Sở Tài chính tỉnh về việc hướng dẫn cấp xã điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó: Điều chỉnh một số dự án, tiểu dự án đã hết nhiệm vụ chi, không thực hiện được theo dự toán giao tại Quyết định số 102/QĐ-UBND, Quyết định số 103/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 của UBND xã Tân Uyên sang các nội dung dự án, tiểu dự án phát sinh mới để thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.

3.495.017.000

3.495.017.000

400.000.000

16,50

69,50

349.000.000

Số đầu

giảm mới

Tăng

100.000.000

Lệch

49.000.000

1.013.000.000

(9.000.000)

158.000.000

PHỤ LỤC 02

Phân bổ dự phòng ngân sách xã năm 2025

(Kèm theo Nghị quyết 30/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của HĐND xã Tân Uyên)

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Kinh phí phân bổ	Ghi chú
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	<i>2</i>
	TỔNG	39.000.000	
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH	39.000.000	
1	Phân bổ nguồn dự phòng ngân sách xã	39.000.000	
1.1	Phòng Kinh tế	9.000.000	
*	Kinh phí xác định giá đất cụ thể	9.000.000	
-	<i>Giải phóng mặt bằng mở rộng bãi đỗ thải Km15+080, Km15+900</i>	<i>9.000.000</i>	Thực hiện phân bổ theo Công văn số 3783/SXD-QLDA ngày 24/10/2025
1.2	Công an xã	30.000.000	
*	Hoạt động an ninh	<i>30.000.000</i>	
-	<i>Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác làm sạch dữ liệu GPLX và đăng ký xe</i>	<i>30.000.000</i>	Theo Tờ trình số 252/TTr-CAX ngày 5/11/2025